

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HS-ST

Ngày: 05 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Khoa

2. Bà Lò Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Lương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Ngân Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ **Phạm Thị L** (tên gọi khác: không), sinh ngày 12 tháng 9 năm 1975; nơi ĐKNKTT: số X Tôn Đức Thắng, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: số X Tôn Đức Thắng, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Phạm Duy T1, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; bị cáo có chồng là Lê Văn M (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2007); tiền sự: Không; có 02 tiền án: Ngày 06/4/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 47 tháng 12 ngày về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 27/4/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp với bản án số 26/2010/HSST ngày 06/4/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 47 tháng 12 ngày về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 tháng tù, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam của bản án trước từ ngày 10/11/2009 đến ngày

18/11/2009 là 09 ngày tù, còn phải chấp hành tiếp là 41 tháng 21 ngày tù; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 11 năm 2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ **Ngô Trọng T** (tên gọi khác: không), sinh ngày 03 tháng 11 năm 1983; nơi ĐKNKTT: số Y Trần Nguyên Hãn, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: số Y Tôn Đức Thắng, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Ngô Trọng X, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; bị cáo có vợ là Đặng Bích T, sinh năm 1990 và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 11 năm 2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3/ **Phạm Minh H** (tên gọi khác: không), sinh ngày 30 tháng 5 năm 1987; nơi ĐKNKTT: số Z Vạn Kiếp, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: số Z Trần Nguyên Hãn, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Phạm Duy H (đã chết) và bà Vũ Mai A, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là Phạm Thị T, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04 tháng 11 năm 2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Đỗ Thị S - sinh năm 1964; Trú tại: tổ 7, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Duy T1 – sinh năm 1952; Trú tại: số X Tôn Đức Thắng, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10 năm 2017, Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T được một người phụ nữ (theo lời khai các bị cáo là Đoàn Thị M, sinh năm 1963 ở 24/97 cầu Cáp, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng) rủ đi từ Hải Phòng lên thành phố Sơn La thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức gián dụng một giao dịch mua bán mỹ phẩm, sau đó tạo lòng tin và chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, M phân công L là người chuẩn bị mỹ phẩm (L mua 80 hộp Mỹ Phẩm giả các loại *BB Natural Smooth*; *Armame BB*; *BB Collagen*; *U⁰ Perfect Covev* với giá 50.000/hộp và 02 túi xách vải màu đen ở chợ Đồng Xuân - Hà Nội); M là người chuẩn bị phương tiện (M thuê 01 xe ô tô tải loại 1,25 tấn, lái xe là một thanh niên, các bị can khai không rõ đặc điểm, nhãn hiệu, biển kiểm soát của xe, nhân thân, lai lịch của lái xe) và 01 xe ô tô Ford Transit 16 chỗ, biển kiểm soát 15B - 012.89, lái xe là Nguyễn Văn H, sinh năm 1967, trú tại 4/37/191 đường Đ,

phường L, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; M giao cho H 01 xe máy Yamaha Jupiter màu đen xám bạc, biển kiểm soát 34M5 - 6867 (xe của M) để H sử dụng làm phương tiện đi lại khi lên Sơn La, L giao cho T 01 xe máy Yamaha Jupiter màu đen, biển kiểm soát 34M6 - 8397 (xe của gia đình L) để T chở L khi lên Sơn La. Đồng thời, L nói với gia đình là mình sẽ lên Sơn La chơi và rủ ông Phạm Duy T1, sinh năm 1952, trú tại phường A, quận L, thành phố Hải Phòng (bố đẻ L) đi cùng lên Sơn La.

Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 01/11/2017, chiếc xe ô tô tải chở ông T và 01 xe máy Yamaha Jupiter màu đen, BKS 34M6 - 8397; 01 xe máy Jupiter màu đen xám bạc, BKS 34M5 - 6867; 01 xe tay ga (không rõ nhãn hiệu, biển kiểm soát) của Minh mang đến. Chiếc xe ô tô Ford Transit chở M, L, H, T, cùng xuất phát từ khu vực nghĩa trang Hồng Bàng (phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng) đi lên thành phố Sơn La. Khoảng 9 giờ ngày 02/11/2017, khi đi đến đầu thành phố Sơn La thuộc phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, M bảo H, T cho 03 xe máy từ ô tô tải xuống, đồng thời bảo hai lái xe điều khiển xe đi lên hướng đường Tuần Giáo - Điện Biên ở đó. Sau đó, M phân công, M đi tìm người có thể lừa được, sau khi tiếp cận người đó, H cầm theo một hộp mỹ phẩm đến giả vờ bán cho M, lúc này L sẽ đi đến và đưa ra thông tin là mình cùng mua hộp mỹ phẩm trên với giá cao hơn so với giá M vừa mua rồi các bị cáo sẽ tùy tình hình, tự ứng biến nhằm tạo lòng tin cho người đang tiếp cận, sau đó chiếm đoạt tài sản của họ. Sau khi phân công xong, M đi xe máy tay ga của M, T đi xe máy BKS 34M6 - 8397 chở L, H đi xe máy BKS 34M5 - 6867 chở T1, cùng đi về hướng thành phố Sơn La tìm người thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Khoảng 10 giờ ngày 02/11/2017, khi đi đến khu vực tổ 7, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, Minh rẽ vào quán bán hàng tạp hóa của bà Đỗ Thị S (sinh năm 1964) mua đồ, còn L, T, H, T1 dừng xe máy ở bên đường đối diện. Khoảng 5 phút sau, H cầm theo một hộp mỹ phẩm *BB Natural Smooth* giả, đi vào quán mời bà S mua mỹ phẩm, bà S không mua, H giả vờ bỏ đi thì M gọi H quay lại và mua hộp mỹ phẩm đó với giá 500.000đ, sau khi nhận tiền từ M, H nói mình còn mỹ phẩm nữa muốn bán, M bảo H mang đến để M mua, H đi ra ngoài lấy mỹ phẩm. Lúc này L đi vào quán, thấy trên tay M đang cầm hộp mỹ phẩm, L giả vờ nói mình cũng vừa mua hộp mỹ phẩm này với giá 1.850.000đ và hỏi M mua ở đâu, với giá bao nhiêu tiền, M nói mua 800.000đ, L khen mua được rẻ, M nói lát nữa họ tiếp tục mang mỹ phẩm đến, có mua thì đợi (tất cả những hành vi này các bị cáo cố ý thực hiện để bà S biết được). Lúc này, H ra chỗ T lấy một túi xách vải màu đen đựng 28 hộp mỹ phẩm *BB Natural Smooth* giả; 08 hộp mỹ phẩm *Armame BB*; 12 hộp mỹ phẩm *BB Collagen*; 01 hộp mỹ phẩm *U^o Perfect Covev*, quay lại quán bà S. H đưa túi xách cho M kiểm tra và thống nhất M sẽ mua số mỹ phẩm trên với giá 35.000.000đ. Sau đó, M mở ví lấy 3.500.000đ đưa cho bà S nói là tán lộc cho bà S do mua được mỹ phẩm rẻ, rồi tiếp tục đếm tiền trong ví và nói với H là mình không mang theo đủ tiền, sẽ về nhà lấy, H không đồng ý. M lấy điện thoại giả vờ gọi điện cho con gái bảo mang tiền đến quán bà S để M trả cho H. Ngay sau đó, L rút trong túi áo số tiền 2.000.000đ giả vờ cho

M vay và bảo M để lại cho L một hộp mỹ phẩm. M quay sang hỏi vay tiền bà S, đồng thời hứa khi nào con gái mang tiền ra sẽ trả bà S, bà S đồng ý rồi đi lấy 25.500.000đ đưa cho M. Sau đó, L nói dối về nhà lấy thêm tiền để mua lại mỹ phẩm của M và đi bộ ra ngoài. M đưa số tiền vừa lấy từ bà S cho H, bà S cầm túi mỹ phẩm từ quán vào trong nhà, lợi dụng lúc bà S vào trong nhà, M, H lần lượt đi ra khỏi quán. M, T, L, H, T1 đi xe máy lên đèo Sơn La đến chỗ 02 xe ô tô đang chờ. T, H cho 03 xe máy lên thùng xe tải, H giao lại số tiền 25.500.000đ cho M giữ rồi tất cả cùng lên 02 xe ô tô đi xuống trung tâm thành phố ăn cơm. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, H, T cho 03 chiếc xe máy trên xe ô tô tải xuống để tiếp tục đi thực hiện hành vi lừa đảo. 02 xe ô tô quay trở lại đèo Sơn La chờ, M đi xe máy tay ga của M tiếp tục đi tìm đối tượng lừa đảo, T đi xe máy BKS 34M6 - 8397 đèo L và một túi vải màu đen bên trong đựng nhiều hộp mỹ phẩm giả, H đi xe máy BKS 34M5 - 6867 đèo T1 đằng sau. Khi đi đến khu vực tổ 3, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La thì L, H, T, T1 thì bị Công an phát hiện, đưa về Công an thành phố làm việc.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 túi xách màu đen, bên trong có 46 hộp mỹ phẩm BB Natural Smooth; 01 xe máy Jupiter màu đen, BKS 36M6 - 8397; 01 điện thoại di động Nokia đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu xám; tạm giữ số tiền 1.850.000đ thu giữ của Ngô Trọng T.

- 01 đăng ký xe máy BKS 34M6 - 8397 mang tên Vũ Văn L; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu gold và số tiền 7.600.000đ thu giữ của Phạm Thị L.

- 01 hộp mỹ phẩm BB Natural Smooth; 01 xe máy Yamaha màu đen xám bạc, BKS 34M5 - 6867 kèm 01 đăng ký xe máy; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy mang tên Hoàng Đức B; 01 điện thoại di động Iphone 6S màu gold; 01 đồng hồ đeo tay Movado màu vàng và 01 CMND; 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Minh H thu giữ của Phạm Minh H.

- Ngày 02/11/2017, bà Đỗ Thị S có đơn trình báo tại Công an thành phố Sơn La, đồng thời giao nộp: 01 túi xách màu đen; 28 hộp mỹ phẩm BB Natural Smooth, 08 hộp mỹ phẩm Arname BB; 12 hộp mỹ phẩm BB Collagen; 01 hộp mỹ phẩm U⁰ Perfect Covev.

Ngày 27/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với 96 hộp mỹ phẩm các loại (vật chứng của vụ án).

Tại thông báo Kết luận định giá số 217 ngày 27/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản - UBND thành phố Sơn La, kết luận: 96 hộp mỹ phẩm các loại (vật chứng của vụ án) có tổng giá trị 2.880.000đ (Hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Tại bản cáo trạng số: 172/CT-VKSTP ngày 12/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Ngô Trọng T, Phạm Minh H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trước khi mở phiên tòa ngày 27 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La thay đổi quyết định truy tố đối với các bị cáo: Truy tố bị cáo Phạm Thị L về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố các bị cáo Ngô Trọng T, Phạm Minh H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 266; Điều 297 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phạm Thị L, Ngô Trọng T, Phạm Minh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1/ Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 04/11/2017).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2/ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Minh H từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Ngô Trọng T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo.

Áp dụng Điều 299; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị HĐXX trả tự do ngay cho bị cáo Phạm Minh H và Ngô Trọng T nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bà Đỗ Thị S đã nhận số tiền 25.500.000đ bồi thường thiệt hại, bà S không yêu cầu và ý kiến gì.

4/ Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 46 (Bốn mươi sáu) Hộp mỹ phẩm màu vàng - xanh tím - than nhãn hiệu B.B loại 500 gam, bên trong mỗi hộp có 01 tuýp mỹ phẩm màu tím - than nhãn hiệu B.B, chưa qua sử dụng thu giữ của Ngô Trọng T; 28 (Hai mươi tám) Hộp mỹ phẩm màu xanh - vàng nhãn hiệu B.B Natiral Smooth BB Cream 50g, bên trong mỗi hộp có 01 tuýp mỹ phẩm, 08 (Tám) Hộp mỹ phẩm màu tím nhãn hiệu ARMAUE BB 45ml, chưa qua sử dụng, 12 (Mười hai) Hộp mỹ phẩm màu vàng - đen nhãn hiệu BB Collagen Caviav 60ml, 01 (Một) Hộp mỹ phẩm màu cam nhãn hiệu Upgeot Cove 45ml, đều chưa qua sử dụng thu giữ của bà Đỗ Thị S; 02 (Hai) Chiếc túi xách bằng vải màu đen, mặt trước có logo "CNC" đã qua sử dụng; 04 (Bốn) Chiếc vỏ hộp giấy nhãn hiệu "BB"; 01 (Một) Chiếc que thử thai thu giữ của Phạm Thị L; 01 (Một) Hộp mỹ phẩm màu tím than, nhãn hiệu "BB Natural Smooth BB Cream" loại 50gram, bên trong có 01 tuýp mỹ phẩm nhãn hiệu "BB Natural Smooth BB Cream" màu tím than, không dán tem, chưa qua sử dụng thu giữ của Phạm Minh H.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (Một) Chiếc xe máy Yamaha màu đen – xám - bạc, biển kiểm soát 34M5 - 6867, số khung 106Y040245, số máy 2S01040245, qua sử dụng; 01 (Một) Tờ đăng ký mô tô, xe máy số 0053312 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 06/12/2006 mang tên Hoàng Đức B; 01 (Một) Tờ giấy chứng nhận bảo hiểm số A170007261 mang tên Hoàng Đức B; Số tiền 7.600.00đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu theo biên lai số 4316 quyền số 87 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La; 01 (Một) Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen-xám-bạc, biển kiểm soát 34M6 - 8397, số khung RLC5B9306Y011030, số máy 5B93011030, không có gương bên phải, qua sử dụng; 01 (Một) Tờ đăng ký mô tô, xe máy số 0067201 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/02/2007 mang tên Vũ Văn L.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị L: 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 7 Plus màu vàng, số Model: A1784 FCCID: BCG- E 3092A IC: 579C - E3092A, số Imei: 355357081429784, qua sử dụng thu giữ của Phạm Thị L.

- Trả lại cho bị cáo Ngô Trọng T: 01 (Một) Chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu xám, Model: A1549 FCCID: BCG - E2816A IC: 579C- E2816A IC: 579C - E2816A, IMEI: 358372066305666; 01 (Một) Chiếc sim điện thoại bị cắt nhỏ không có mã, số ký hiệu; 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen-bạc, Model: 5152, số Imei 1: 357887/05/022696/7, số Imei 2: 357887/05/022697/5; 01 (Một) Chiếc sim mạng Mobifone có các dãy số tự nhiên 1401240129621 đều đã qua sử dụng thu giữ của Ngô Trọng T và số tiền 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu theo biên lai số 4316 quyền số 87 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

- Trả lại cho Phạm Minh H: 01 (Một) Chiếc điện thoại kiểu dáng Iphone 7 màu đen, Model: A1660FCCID: BCG - E 3085A IC: 579C - E 3085A, số Imei

353825084580532; 01 (Một) Chiếc sim không rõ mạng, số hiệu; 01 (Một) Chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6S màu vàng số Imei: 353316073848510; 01 (Một) Chiếc sim mạng 4G Mobiphone; 01 (Một) Chiếc đồng hồ đeo tay, trên mặt đồng hồ có chữ "Movado" màu vàng đều qua sử dụng; 01 (Một) Tờ chứng minh nhân dân số 031453419 do Công an tỉnh Hải Phòng cấp ngày 31/7/2003 mang tên Phạm Minh H; 01 (Một) Tờ giấy phép lái xe số AA 117939 do Sở Giao thông công chính Hải Phòng cấp ngày 30/5/2006 mang tên Phạm Minh H; Số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu theo biên lai số 4316 quyền số 87 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

- Trả lại cho Phạm Duy T1: 01(Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia - C2 màu đen, có số FCCID: PPIRM-721, số IC: 661U - RM721; Model: C2-01 Made in China; 01 (Một) Chiếc sim Vinaphone có số se ri 89840200062006940424 đều qua sử dụng thu giữ của Phạm Duy T1.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị L, Ngô Trọng T, Phạm Minh H nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người bị hại bà Đỗ Thị S: Do đã nhận đủ số tiền bồi thường 25.500.000đ nên không đề nghị các bị cáo phải bồi thường dân sự nữa.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Duy T1: không yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho ông số tiền 25.500.000đ mà ông đã bồi thường thay cho các bị cáo.

Trong vụ án này còn đề cập đến các đối tượng Đoàn Thị M, Phạm Duy T1, Nguyễn Văn H.

Đối với Đoàn Thị M, trên cơ sở lời khai các bị cáo, ngày 10/11/2017, cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Đoàn Thị M nhưng M không có mặt tại nơi cư trú, gia đình và chính quyền địa phương không biết M đi đâu, làm gì, do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La tách hành vi của Đoàn Thị M để xử lý riêng khi đủ căn cứ.

Đối với ông Phạm Duy T1: Quá trình điều tra, ông T1 thừa nhận đi cùng các bị cáo và Đoàn Thị M từ Hải Phòng lên Sơn La theo lời mời của con gái Phạm Thị L, mục đích đi chơi, tham quan du lịch, việc các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì ông T1 không được biết, không có căn cứ quy kết ông T1 là đồng phạm trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Văn H lái xe ô tô Ford Transit 16 chỗ, biển kiểm soát 15B - 012.89: Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã tiến hành xác minh tại gia đình H, nơi cư trú và nơi làm việc (Công ty TNHH TMVT&DV DL P, địa chỉ: 10+12/44 K - quận N - thành phố Hải Phòng) nhưng không xác định được H đang làm gì, ở đâu. Quá trình điều tra, không có căn cứ xác định H là đồng phạm trong vụ án này nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công

an thành phố Sơn La tách hành vi của H tiếp tục điều tra để xử lý sau nếu có căn cứ.

Đối với người lái xe ô tô tải 1,25 tấn: Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La không xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông nêu trên. Ngoài lời khai của các bị cáo, không có nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh, làm rõ nên không có căn cứ xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về hoạt động “Điều tra”, “Truy tố”, đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ của họ.

Người bị hại đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ đề nghị của các bị cáo; Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người bị hại.

[2] Về nội dung: Ngày 02/11/2017, tại cửa hàng bán tạp hóa của bà Đỗ Thị S ở tổ 7, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T đã có hành vi dựng một giao dịch mua bán mỹ phẩm với nhau và dùng lời nói gian dối khiến bà Đỗ Thị S tin tưởng vào giao dịch mua bán mỹ phẩm giữa các bị cáo là thật nên đã giao số tiền 25.500.000đ (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) cho các bị cáo vay. Sau đó các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền của bà Đỗ Thị S.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ:

Lời khai nhận tội của các bị cáo; Lời khai của người bị hại bà Đỗ Thị S; Biên bản về việc bắt người; các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Biên bản kiểm tra thông tin điện thoại; Kết luận định giá số 217 ngày 27/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản - UBND thành phố Sơn La.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với kết quả điều tra.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015).

Do hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (trước ngày 01/01/2018). So với quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm và hình phạt theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 tương xứng nhau, đồng thời các bị cáo cũng không thuộc trường hợp được xem xét tình tiết có lợi cho người phạm tội quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy cần áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết trong vụ án này, theo tinh thần Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét vai trò phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án có nhiều người tham gia mang tính đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó đối tượng Đoàn Thị M là người khởi xướng và chuẩn bị phương tiện chở các bị cáo từ thành phố Hải Phòng lên thành phố Sơn La để thực hiện hành vi phạm tội (Hiện nay đối tượng Đoàn Thị M không có mặt tại nơi cư trú, gia đình và chính quyền địa phương không biết Đoàn Thị M đi đâu, làm gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Sơn La đã tách hành vi của Đoàn Thị M để xử lý riêng).

Bị cáo Phạm Thị L là người tiếp nhận ý chí của Đoàn Thị M, trực tiếp chuẩn bị mỹ phẩm giả, chuẩn bị xe máy để Ngô Trọng T chở L đi thực hiện hành vi lừa đảo tại thành phố Sơn La và cũng là người trực tiếp tham gia giao dịch giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Đỗ Thị S số tiền 25.500.000đ. Do vậy bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Bị cáo Phạm Minh H và bị cáo Ngô Trọng T khi được Đoàn Thị M và Phạm Thị L rủ đi lên thành phố Sơn La thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo đều nhất trí. Bị cáo Phạm Minh H trực tiếp tham gia giao dịch giả để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 25.500.000đ của bà Đỗ Thị S; bị cáo Ngô Trọng T là người trực tiếp chở Phạm Thị L đi thực hiện hành vi lừa đảo và cũng là người trực tiếp quản lý số mỹ phẩm giả giao cho các bị cáo khác. Do đó bị cáo Phạm Minh H và bị cáo Ngô Trọng T đều giữ vai trò là người giúp sức tích cực, khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T phạm tội có sự chuẩn bị, bàn bạc từ trước và phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng bị cáo, đây là hành vi phạm tội có tổ chức, vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a “Có tổ chức” khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, khung hình phạt có mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm và thuộc trường hợp nghiêm trọng. Riêng bị cáo Phạm Thị L, ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo đã có 02 tiền án, chưa được xóa án tích: Ngày 06/4/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 47 tháng 12 ngày về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 27/4/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp với bản án số 26/2010/HSST ngày 06/4/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 47 tháng 12 ngày về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo phải

chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 tháng tù, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam của bản án trước 09 ngày, còn phải chấp hành tiếp là 41 tháng 21 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo L trong vụ án này vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c “Tái phạm nguy hiểm” khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo Phạm Thị L đang được hoãn chấp hành hình phạt tù theo Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù số 11/2017/QĐ-CA ngày 25/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Do vậy, trong vụ án này Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước. Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền sẽ ra quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc về nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Xem xét nhân thân của các bị cáo: bị cáo Phạm Thị L có 02 tiền án chưa được xóa án tích; bị cáo Phạm Minh H và bị cáo Ngô Trọng T không có tiền án, tiền sự.

Xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông Phạm Duy T1 đã thay mặt các bị cáo bồi thường số tiền 25.500.000đ (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) cho người bị hại bà Đỗ Thị S nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

Riêng bị cáo Phạm Thị L, bị cáo mắc bệnh nặng xơ gan cổ chướng do viêm gan B mạn thể tiến triển nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

Xem xét loại hình phạt, mức hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo:

Bị cáo Phạm Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo có hai tiền án về tội phạm cùng loại, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Do vậy cần phải

cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Bị cáo Phạm Minh H và bị cáo Ngô Trọng T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng theo quy định của Luật Cư trú; ngoài lần phạm tội này các bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân; ngoài ra các bị cáo phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo đã bồi thường thay cho các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Do các bị cáo đang bị tạm giam nên cần trả tự do ngay cho các bị cáo tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác theo quy định tại Điều 299; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính lẽ ra các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Song xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo có khó khăn về kinh tế nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bà Đỗ Thị S đã nhận số tiền mà gia đình các bị cáo bồi thường thiệt hại 25.500.000đ, bà S không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường và không ý kiến gì thêm.

Chấp nhận việc ông Phạm Duy T1 không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 25.500.000đ mà ông đã bồi thường thay cho các bị cáo.

[7] Các vấn đề khác: Trong vụ án này còn đề cập đến các đối tượng Đoàn Thị M, Nguyễn Văn H, Phạm Duy T1 và đối tượng lái xe ô tô tải loại 1,25 tấn.

Đối với đối tượng Đoàn Thị M. Quá trình điều tra các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T khai nhận, khi thực hiện hành vi phạm tội, ngoài các bị cáo còn có sự tham gia của đối tượng Đoàn Thị M. Ngày 10/11/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã ra Lệnh bắt khẩn cấp đối tượng Đoàn Thị M. Tuy nhiên quá trình thi hành Lệnh bắt khẩn cấp đối tượng Đoàn Thị M không có mặt tại địa phương nơi cư trú, gia đình không biết M đi đâu, làm gì, ở đâu nên không bắt được đối tượng Đoàn Thị M. Ngày 24/11/2017 và ngày 08/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã tiến hành cho các bị cáo Phạm Minh H, Ngô Trọng T và bà Đỗ Thị S nhận dạng ảnh của đối tượng Đoàn Thị M. Kết quả các bị cáo Phạm Minh H, Ngô Trọng T nhận dạng được ảnh của đối tượng Đoàn Thị M nhưng bà Đỗ Thị S không nhận dạng được. Ngoài lời khai của các bị cáo và tài liệu các bị cáo nhận dạng ảnh của đối tượng Đoàn Thị M thì không còn nguồn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh làm rõ. Do đó, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối

với Đoàn Thị M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà tách hành vi của đối tượng Đoàn Thị M tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với đối tượng Nguyễn Văn H: Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn H là người lái xe ô tô FordTransit 16 chỗ, BKS: 15B - 012.98 chở Đoàn Thị M, Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T và số hàng mỹ phẩm đi lên thành phố Sơn La để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã tiến hành xác minh Nguyễn Văn H tại địa chỉ nơi cư trú và nơi công tác của H (Công ty TNHH TMVT&DV DL P, địa chỉ tại 10+12/44 T, Quận N, thành phố Hải Phòng), nhưng không xác định được H hiện nay ở đâu. Ngoài lời khai của các bị cáo không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh làm rõ hành vi của Nguyễn Văn H có đồng phạm hay không. Do đó, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cơ quan điều tra đã tách hành vi của đối tượng Nguyễn Văn H tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với Phạm Duy T1: Quá trình điều tra, T1 thừa nhận đi cùng các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T và đối tượng Đoàn Thị M từ Hải Phòng lên Sơn La theo lời mời của con gái Phạm Thị L, mục đích là để đi chơi. Việc các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác T1 không được biết. Các bị cáo L, H, T cũng xác định Phạm Duy T1 không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngoài ra không còn nguồn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh T1 có đồng phạm hay không. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La không xử lý đối với Phạm Duy T1.

Đối với đối tượng là người lái xe ô tô tải loại 1,25 tấn chở Phạm Duy T1 và 03 xe máy mà các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T và đối tượng Đoàn Thị M sử dụng đi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thành phố Sơn La. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La không xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông nêu trên. Ngoài lời khai của các bị cáo và Phạm Duy T1 thì không còn nguồn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ mở rộng vụ án.

[8] Xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với 46 (Bốn mươi sáu) Hộp mỹ phẩm màu vàng - xanh - tím - than nhãn hiệu B.B loại 500 gam, bên trong mỗi hộp có 01 tuýp mỹ phẩm màu tím than nhãn hiệu B.B, chưa qua sử dụng thu giữ của Ngô Trọng T; 01 (Một) Hộp mỹ phẩm màu tím than, nhãn hiệu "BB Natural Smooth BB Cream" loại 50gram, bên trong có 01 tuýp mỹ phẩm nhãn hiệu "BB Natural Smooth BB Cream" màu tím than, không dán tem, chưa qua sử dụng thu giữ của Phạm Minh H; 28 (Hai mươi tám) Hộp mỹ phẩm màu xanh - vàng nhãn hiệu B.B Natiral Smooth BB Cream 50g, bên trong mỗi hộp có 01 tuýp mỹ phẩm; 08 (Tám) Hộp mỹ phẩm màu tím nhãn hiệu ARMAUE BB 45ml, chưa qua sử dụng; 12 (Mười hai) Hộp mỹ phẩm màu vàng - đen nhãn hiệu BB Collagen Caviav 60ml; 01 (Một) Hộp mỹ phẩm màu cam nhãn hiệu Upgeot Cove 45ml, đều chưa qua sử dụng thu giữ của bà Đỗ Thị S; 02 (Hai) Chiếc túi xách bằng vải màu đen, mặt trước có logo "CNC" đã qua sử dụng; 04 (Bốn) Chiếc vỏ hộp giấy nhãn hiệu

"BB". Quá trình điều tra xác định số mỹ phẩm và số hộp giấy nêu trên là công cụ mà các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Số vật chứng trên không có nhãn mác xuất xứ hàng hóa nên không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu huỷ cùng 01 (Một) Chiếc que thử thai thu giữ của Phạm Thị L (không liên quan đến vụ án, không có giá trị sử dụng).

- Đối với 01 (Một) Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha màu đen - xám - bạc, biển kiểm soát 34M5 - 6867, số khung 106Y040245, số máy 2S01040245, qua sử dụng; 01 (Một) Tờ đăng ký mô tô, xe máy số 0053312 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 06/12/2006 mang tên Hoàng Đức B; 01 (Một) Tờ giấy chứng nhận bảo hiểm số A170007261 mang tên Hoàng Đức B. Quá trình điều tra không xác định được chủ sở hữu, đây là phương tiện mà Phạm Minh H sử dụng để đi thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (Một) Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen - xám - bạc, biển kiểm soát 34M6 - 8397, số khung RLC5B9306Y011030, số máy 5B93011030, không có gương bên phải, qua sử dụng; 01 (Một) Tờ đăng ký mô tô, xe máy số 0067201 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/02/2007 mang tên Vũ Văn L. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy có giấy đăng ký nêu trên Ngô Trọng T mượn của Phạm Duy T1 để đi thực hiện hành vi phạm tội (Chiếc xe máy này không xác định được chủ sở hữu), cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 7.600.00đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu theo biên lai số 4316 quyển số 87 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La. Quá trình điều tra Phạm Thị L khai nhận đó là số tiền mà Đoàn Thị M đưa cho L để sử dụng khi đi thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 (Một) Chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 7 Plus màu vàng, số Model: A1784 FCCID: BCG- E 3092A IC: 579C - E3092A, số Imei: 355357081429784, qua sử dụng thu giữ của Phạm Thị L. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp thuộc quyền sở hữu của Phạm Thị L, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho Phạm Thị L.

Đối với 01 (Một) Chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu xám, Model: A1549 FCCID: BCG - E2816A IC: 579C-E2816A IC: 579C - E2816A, IMEI: 358372066305666; 01 (Một) Chiếc sim điện thoại bị cắt nhỏ không có mã, số ký hiệu; 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen -bạc, Model: 5152, số Imei 1: 357887/05/022696/7, số Imei 2: 357887/05/022697/5; 01 (Một) Chiếc sim mạng Mobifone có các dãy số tự nhiên 1401240129621 đều đã qua sử dụng thu giữ của Ngô Trọng T và số tiền 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu theo biên lai số 4316 quyển số 87 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Ngô Trọng T, không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho Ngô Trọng T.

- Đối với 01 (Một) Chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6S màu vàng số Imei: 353316073848510; 01 (Một) Chiếc điện thoại kiểu dáng Iphone 7 màu đen, Model: A1660FCCID: BCG - E 3085A IC: 579C - E 3085A, số Imei 353825084580532; 01 (Một) Chiếc sim không rõ mạng, số hiệu; 01 (Một) Chiếc sim mạng 4G Mobiphone; 01 (Một) Chiếc đồng hồ đeo tay, trên mặt đồng hồ có chữ "Movado" màu vàng đều qua sử dụng; 01 (Một) Tờ chứng minh nhân dân số 031453419 do Công an tỉnh Hải Phòng cấp ngày 31/7/2003 mang tên Phạm Minh H; 01 (Một) Tờ giấy phép lái xe số AA 117939 do Sở Giao thông công chính Hải Phòng cấp ngày 30/5/2006 mang tên Phạm Minh H và số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu theo biên lai số 4316 quyển số 87 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La. Quá trình điều tra xác định là tài sản, giấy tờ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Phạm Minh H không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho Phạm Minh H.

Đối với 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia - C2 màu đen, có số FCCID: PPIRM-721, số IC: 661U - RM721; Model: C2-01 Made in China; 01 (Một) Chiếc sim Vinaphone có số se ri 89840200062006940424 đều qua sử dụng thu giữ của Phạm Duy T1. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của Phạm Duy T1 không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho Phạm Duy T1.

[9] Về án phí: Do có hành vi phạm tội của các bị cáo, vì vậy buộc các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1/ Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 04/11/2017).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2/ Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 05/4/2018).

Giao bị cáo Phạm Minh H cho Ủy ban nhân dân phường T, quận H, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phạm Minh H có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Ngô Trọng T 26 (Hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 52 (Năm mươi hai) tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 05/4/2018).

Giao bị cáo Ngô Trọng T cho Ủy ban nhân dân phường A, quận L, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Ngô Trọng T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3/ Căn cứ Điều 299; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo Phạm Minh H và bị cáo Ngô Trọng T tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

5/ Về trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận việc bà Đỗ Thị S đã nhận số tiền mà gia đình các bị cáo bồi thường thiệt hại 25.500.000đ, bà S không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường và không có ý kiến gì thêm.

Chấp nhận việc ông Phạm Duy T1 không yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 25.500.000đ mà ông đã bồi thường thay cho các bị cáo.

6/ Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 ; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 46 (Bốn mươi sáu) Hộp mỹ phẩm màu vàng - xanh tím - than nhãn hiệu B.B loại 500 gam, bên trong mỗi hộp có 01 tuýp mỹ phẩm màu tím - than nhãn hiệu B.B, chưa qua sử dụng thu giữ của Ngô Trọng T; 28 (Hai mươi tám) Hộp mỹ phẩm màu xanh - vàng nhãn hiệu B.B Natiral Smooth BB Cream 50g, bên trong mỗi hộp có 01 tuýp mỹ phẩm; 08 (Tám) Hộp mỹ phẩm màu tím nhãn hiệu ARMAUE BB 45ml, chưa qua sử dụng; 12 (Mười hai) Hộp mỹ phẩm màu vàng - đen nhãn hiệu BB Collagen Caviar 60ml; 01 (Một) Hộp mỹ phẩm màu cam nhãn hiệu Upgeot Cove 45ml, đều chưa qua sử dụng thu giữ của bà Đỗ Thị S; 02 (Hai) Chiếc túi xách bằng vải màu đen, mặt trước có logo "CNC" đã qua sử dụng; 04 (Bốn) Chiếc vỏ hộp giấy nhãn hiệu "BB"; 01 (Một) Chiếc que thử thai thu giữ của Phạm Thị L; 01 (Một) Hộp mỹ phẩm màu tím than, nhãn hiệu "BB Natural Smooth BB Cream" loại 50gram, bên trong có 01 tuýp mỹ phẩm nhãn hiệu "BB Natural Smooth BB Cream" màu tím than, không dán tem, chưa qua sử dụng thu giữ của Phạm Minh H.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (Một) Chiếc xe máy Yamaha màu đen - xám - bạc, biển kiểm soát 34M5 - 6867, số khung 106Y040245, số máy 2S01040245, qua sử dụng; 01 (Một) Tờ đăng ký mô tô, xe máy số 0053312 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 06/12/2006 mang tên Hoàng Đức B; 01 (Một) Tờ giấy chứng nhận bảo hiểm số A170007261 mang tên Hoàng Đức B và số tiền 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu theo biên lai số 4316 quyền số 87 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La; 01 (Một) Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen - xám - bạc, biển kiểm soát 34M6 - 8397, số máy 5B93011030, số khung RLC5B9306Y011030, không có gương bên phải, qua sử dụng; 01 (Một) Tờ đăng ký mô tô, xe máy số 0067201 do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 24/02/2007 mang tên Vũ Văn L.

- Trả lại cho Phạm Thị L: 01 (Một) Chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 7 Plus màu vàng, số Model: A1784 FCCID: BCG - E 3092A IC: 579C - E3092A, số Imei: 355357081429784, qua sử dụng thu giữ của Phạm Thị L.

- Trả lại cho Ngô Trọng T: 01 (Một) Chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu xám, Model: A1549 FCCID: BCG - E2816A IC: 579C - E2816A IC: 579C - E2816A, IMEI: 358372066305666; 01 (Một) Chiếc sim điện thoại bị cắt nhỏ không có mã, số ký hiệu; 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen - bạc, Model: 5152, số Imei 1: 357887/05/022696/7, số Imei 2: 357887/05/022697/5; 01 (Một) Chiếc sim mạng Mobifone có các dãy số tự nhiên 1401240129621 đều đã qua sử dụng thu giữ của Ngô Trọng T và số tiền 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu theo biên lai số 4316 quyền số 87 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

- Trả lại cho Phạm Minh H: 01 (Một) Chiếc điện thoại kiểu dáng Iphone 7 màu đen, Model: A1660 FCCID: BCG - E 3085A IC: 579C - E 3085A, số Imei 353825084580532; 01 (Một) Chiếc sim không rõ mạng, số hiệu; 01 (Một) Chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6S màu vàng số Imei: 353316073848510; 01 (Một) Chiếc sim mạng 4G Mobiphone; 01 (Một) Chiếc đồng hồ đeo tay, trên mặt đồng hồ có chữ "Movado" màu vàng đều qua sử dụng; 01 (Một) Tờ chứng minh nhân dân số 031453419 do Công an tỉnh Hải Phòng cấp ngày 31/7/2003 mang tên Phạm Minh H; 01 (Một) Tờ giấy phép lái xe số AA 117939 do Sở Giao thông công chính Hải Phòng cấp ngày 30/5/2006 mang tên Phạm Minh H và số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu theo biên lai số 4316 quyền số 87 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

- Trả lại cho Phạm Duy T1: 01 (Một) Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia - C2 màu đen, có số FCCID: PPIRM - 721, số IC: 661U - RM721; Model: C2 - 01 Made in China; 01 (Một) Chiếc sim Vinaphone có số se ri 89840200062006940424 đều qua sử dụng thu giữ của Phạm Duy T1.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La).

7/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14: Buộc các bị cáo Phạm Thị L, Phạm Minh H, Ngô Trọng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/4/2018).

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Công an thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Tuấn Minh